

Bản án số: 111/2023/HS-PT

Ngày: 31 - 7 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Hồng
- **Các Thẩm phán:** Ông Đỗ Mạnh Hùng
Ông Đặng Ngọc Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hương Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:**
Bà Chu Thị Dịu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 102/2023/TLPT-HS ngày 18 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị D và đồng phạm; do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị D, sinh năm 1958; tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Số B L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Nội trợ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị K (đã chết); có chồng Trần Văn C1 và 01 con sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/01/2022 đến ngày 12/4/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện bị cáo được tại ngoại. (có mặt).

2. Trần Văn C1, sinh năm 1959; tại Lâm Đồng; nơi cư trú: Số B L, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: 7/12; con ông Trần M (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); có vợ Nguyễn Thị D và 01 con sinh năm 1981; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Tại bản án số 07/1985/HS-ST ngày 23/12/1985 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, Lâm Đồng xử phạt Trần Văn C1 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

- Tại bản án số 04/1988/HS-ST ngày 23/3/1988 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, Lâm Đồng xử phạt Trần Văn C1 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo: Luật sư Hoàng Thị Minh H1 – Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L; địa chỉ: Lô I KQH N, Phường B, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt).

Bị hại: Ông Trần Vĩnh L, sinh năm 1983. Trú tại: Hẻm I, tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 19/11/2019, Trần Văn C1 chở theo vợ là Nguyễn Thị D ra chợ thị trấn L. Khi ra đến chợ thì ông C1 bà D có gặp Trần Vĩnh L. Vợ chồng ông C1 bà D đòi tiền thì giữa vợ chồng ông C1, bà D và L có xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Sau đó L điều khiển xe bỏ đi còn ông C1 bà D tiếp tục đi chợ. Sau khoảng 30 phút khi đi trên đường P hướng ra QL20 thì thấy Trần Vĩnh L đang điều khiển xe phía trước. Bà D bảo ông C1 điều khiển xe mô tô đuổi theo xe của L, khi xe do ông C1 điều khiển chạy song song bên trái xe L điều khiển, khoảng cách giữa hai xe khoảng 40cm thì bà D tháo mũ bảo hiểm đang đội trên đầu, tay phải cầm mũ bảo hiểm đánh trúng Lưng của L làm L ngã ra đường nghiêng về bên trái đầu hướng về chợ, chân hướng ra QL20 còn xe mô tô của L thì trượt về phía trước. Lúc này ông C1 điều khiển xe dừng lại xuống xe, bà D cầm mũ bảo hiểm đánh liên tục vào đầu, lưng và gáy của L. Khi bị đánh thì L nhặt được hai cục đá ở dải phân cách định đánh lại bà D thì ông C1 ngăn lại cục đá trúng tay ông C1, bức tức vì bị đánh trúng ông C1 dùng tay không đánh tới tấp vào mặt L, cùng lúc này thì bà D dùng mũ bảo hiểm đánh tới tấp vào mặt, lưng và gáy của L. L ngồi bệt xuống trước cửa hàng điện gia dụng Anh T không còn phản ứng và được mọi người can ngăn thì ông C1 bà D mới dừng lại lên xe đi về.

Kết luận giám định Pháp y về thương tích số 142/20- TgT ngày 04/11/2020 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của ông Trần Vĩnh L như sau: Sây sạt vùng cổ gáy, cánh tay trái và cẳng chân trái, 03

sẹo mổ kích thước nhỏ vùng gò trái, gãy xương chính mũi hai bên, đứt dây chằng chéo trước gò trái, rách sừng sau sụn chêm bên ngoài gò trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 33% (ba mươi ba phần trăm), do vật tày tác động trực tiếp gây nên.

Công văn số 58/PVPYQG ngày 04/8/2022 của P tại Thành phố Hồ Chí Minh thì xây sát vùng cổ gáy, cánh tay trái và cẳng chân trái hiện không còn dấu vết, 03 sẹo mổ kích thước nhỏ vùng gò trái, gãy xương chính mũi hai bên, đứt dây chằng chéo trước gò trái, rách sừng sau sụn chêm bên ngoài gò trái là các tổn thương do chấn thương ngày 19/11/2019 gây ra.

Vật chứng của vụ án: Chiếc mũ bảo hiểm Nguyễn Thị D dùng để đánh Trần Vĩnh L đã bị hư hỏng vứt bỏ lại hiện trường Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ việc Nguyễn Thị D và Trần Văn C1 đã tự nguyện nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng bồi thường, khắc phục hậu quả. Bị hại Trần Vĩnh L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xử theo quy định của pháp luật

Cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 02/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Văn C1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (sau đây viết là BLHS 2015)

Tại bản án Số 41/2023/HS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng đã xử;

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Văn C1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/01/2022 đến ngày 12/4/2022 vào thời gian thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 54 BLHS 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C1 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQHĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Buộc các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Văn C1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Vĩnh L số tiền 201.700.000đ,

được trừ vào số tiền 40.000.000đ các bị cáo đã nộp theo Biên lai thu số 0002591 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 161.700.000đ. Theo nghĩa vụ liên đới được xác định phần của mỗi bị cáo số tiền là 80.850.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo.

Ngày 27/3/2023 các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1 kháng cáo toàn bộ bản án.

Ngày 04/4/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 04/4/2023 với nội dung yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã tuyên xử, không bị oan, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời xem xét giảm mức bồi thường vì các bị cáo không trực tiếp tác động vào gói bên trái của bị hại.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữ quyền công tố tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 04/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

- Đề nghị căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 65 BLHS 2015, cho bị cáo D được hưởng án treo; áp dụng khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo C1, giảm hình phạt cho bị cáo C1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét ấn định mức bồi thường hợp lý.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày luận cứ: Thống nhất việc rút kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng. Đồng thời thống nhất tội danh đã xét xử của bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét do bức xúc trước thái độ thách thức của bị hại là người đang vay tài sản của vợ chồng bị cáo, trong lúc điều kiện kinh tế của gia đình các bị cáo đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, nợ ngân hàng phải trả nên đã thiếu kiềm chế dẫn đến gây thương tích cho bị hại. Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục một phần hậu quả, mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình đang rất khó khăn. Hai bị cáo là vợ chồng, bị cáo C1 có thời gian tham gia quân ngũ, tuổi đã cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét

giảm phần bồi thường dân sự đối với khoản tiền mất thu nhập và chi phí nhập viện mổ vết thương do bị hại được thanh toán bằng bảo hiểm y tế nên đề nghị không chấp nhận khoản tiền này. Ngoài ra phía bị hại cũng có một phần lỗi đề nghị Hội đồng xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (sau đây viết là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong hạn luật định nên thời hạn kháng cáo là hợp lệ, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Vào sáng ngày 19/11/2019 bị cáo Nguyễn Thị D và bị cáo Trần Văn C1 gặp ông Trần Vĩnh L tại chợ L, do L đang thiếu nợ của vợ chồng bị cáo D, C1 nên giữa 02 bên xảy ra mâu thuẫn, L bỏ đi. Sau đó, khi đang di chuyển xe mô tô trên đường P theo hướng từ chợ L ra Quốc lộ B thì các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1 phát hiện Trần Vĩnh L đang điều khiển xe mô tô phía trước, khi hai xe chạy song song thì D dùng tay phải cầm nón bảo hiểm đánh vào vùng lưng của L khiến L ngã xuống đường. D xuống xe tiếp tục cầm mũ bảo hiểm đánh vào L, L nhặt đá bên lề đường định phản kháng thì bị cáo C1 ngăn lại và bị L đập trúng tay, tức giận C1 dùng tay đánh liên tục vào mặt L, cùng lúc D dùng mũ bảo hiểm tiếp tục đánh L. Kết luận giám định tỷ lệ thương tật của Trần Vĩnh L là 33%.

Tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không oan, giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và đề nghị xem xét số tiền bồi thường đối với vết thương ở đầu gối của bị hại không do các bị cáo gây ra, không xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Bị cáo C1 đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo và xuất trình văn bản xác nhận là hội viên của Hội Cựu chiến binh, có thời gian tham gia trong quân ngũ, hiện nay điều kiện kinh tế gia đình rất khó khăn. Sau khi phạm tội đã cố gắng khắc phục một phần hậu quả.

[3] Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát và rút toàn bộ Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS ngày 04/4/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng. Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1:

[4.1] Đối với kháng cáo về thương tích của bị hại: Các bị cáo cho rằng chỉ đánh vào vùng lưng, mặt và đầu của bị hại L, không có bất kỳ tác động nào đối với vùng đầu gối, không đồng ý đối với các thương tích đứt dây chằng chéo gối trái 11% và thương tích rách sừng sau sụn chêm ngoài gối trái là 16%.

Xét thấy, khi bị hại đang điều khiển xe máy, bị cáo D dùng mũ bảo hiểm bất ngờ đánh nhiều cái vào lưng làm bị hại ngã xuống đường, hành vi của bị cáo là nguy hiểm và là nguyên nhân gây thương tích tại vùng đầu gối của bị hại.

Tại giấy chứng nhận thương tích tại Trung tâm y tế huyện Đ và Giấy chứng nhận thương tích của bệnh viện đa khoa tỉnh L, Công văn số 58/PVPYQG-KGD ngày 04/8/2020 phúc đáp Công văn số 1247/CV-ĐTTH của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã xác định: "... đứt dây chằng chéo trước gối trái đã được phẫu thuật tái tạo hiện phục hồi tốt; rách sừng sau sụn chêm ngoài gối trái là các tổn thương do chấn thương ngày 19/11/2019 gây ra". Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định các thương tích đã được giám định nêu trên là hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nên nội dung kháng cáo này của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Khi quyết định hình phạt bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm cho xã hội của các bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo C1 04 năm tù, bị cáo D 03 năm tù là thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo C1 xuất trình tài liệu bị cáo là hội viên Hội cựu Chiến binh và cũng tham gia quân ngũ nên HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt. Đối với bị cáo D, tại phiên tòa phúc thẩm thành khẩn khai báo, bị cáo và bị cáo C1 là 02 vợ chồng, trong vụ án này có 01 phần lỗi của người bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS 2015 cho bị cáo D được hưởng án treo. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4.3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo chỉ đồng ý bồi thường 50% giá trị mà bản án sơ thẩm đã tuyên. HĐXX thấy rằng, bản án sơ thẩm căn cứ vào thiệt hại thực tế, chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại với tổng số tiền là 201.700.000đ.

Tuy nhiên trong vụ án này nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn phát sinh hành vi phạm tội của các bị cáo có một phần lỗi của phía bị hại. HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo đối với khoản mất thu nhập, chấp nhận

$\frac{1}{2}$ mức tổn thất của bản án sơ thẩm đã tuyên 54.000.000đ là hợp lý. Các khoản tiền bồi thường khác của bản án sơ thẩm HĐXX giữ nguyên.

Như vậy, tổng cộng các khoản chi phí hợp lý cần buộc các bị cáo phải có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho bị hại là: 147.700.000đ. Các bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 60.000.000đ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng để bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên cần buộc các bị cáo phải tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại số tiền còn thiếu là: 87.700.000đ, phần của mỗi bị cáo là 43.850.000đ.

[5] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HS-ST ngày 20/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Xử:

1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Văn C1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị D 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 31-7-2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thị D cho Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình của người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án. Trường hợp người bị kết án có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trong

trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn C1 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 02/2022/NQHĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc các bị cáo Nguyễn Thị D, Trần Văn C1 có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Trần Vĩnh L số tiền 147.700.000 (một trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng các bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0002591 ngày 03/3/2022 và 0006686 ngày 27/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tiếp tục liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 87.700.000 (tám mươi bảy triệu bảy trăm nghìn) đồng, theo nghĩa vụ liên đới được xác định phần của mỗi bị cáo số tiền là 43.850.000 (bốn mươi ba triệu tám trăm năm mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị D và Trần Văn C1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, hết thời hạn kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (04);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND huyện Đức Trọng (06);
- VKSND huyện Đức Trọng (01);
- Cơ quan CSĐT CA huyện Đức Trọng (01);
- Cơ quan THAHS CA huyện Đức Trọng (01);
- Bị cáo (02);
- Hồ sơ THAHS (04);
- Lưu hồ sơ; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Hữu Hồng